

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Văn Ngô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Ông Trần Văn K, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà Trần Thị B có làm đầu thảo hụi vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi hụi của bà B cụ thể như sau:

- Vào ngày 25/04/2020 âm lịch bà B có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hình thức 01 tháng khui 01 lần, dây hụi có 25 phần, dây hụi này ông K và bà H tham gia 02 phần. Sau khi hụi khui kỳ thứ 02 (khui ngày 25/5/2020) ông

K và bà H lĩnh trước 01 phần số tiền lĩnh được là 16.600.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà B đã giao đủ số tiền này cho ông K, bà H ngày 02/06/2020 âm lịch. Đến ngày 25/08/2020 (hui khai kỳ thứ 5) ông K và bà H tiếp tục lĩnh phần còn lại, số tiền hui lĩnh được là 15.700.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà B đã giao đủ số tiền này cho ông K, bà H ngày 02/9/2020 âm lịch. Khi hợp đồng góp hui giữa bà B và ông K, bà H chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau (trong danh sách hui bà B chỉ ghi bà H đại diện), nhưng bà B có ghi sổ theo dõi. Sau khi hót 02 phần hui thì ông K và bà H có góp hui chết hàng tháng cho bà B đến lần khai thứ 18, nhưng kỳ thứ 18 đóng cho bà B được 1.500.000 đồng còn nợ lại bà B 500.000 đồng, kể từ kỳ thứ 19 thì ngưng, bà B góp thay cho bà H và ông K từ kỳ 19 đến khi mãn hui 07 kỳ với số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} / 1 \text{ lần} / 2 \text{ phần} \times 7 \text{ kỳ} = 14.000.000 \text{ đồng}$ và còn nợ đóng tiền kỳ thứ 18 là 500.000 đồng. Như vậy trong dây hui này ông K và bà H còn nợ bà B số tiền là 14.500.000 đồng.

- Vào ngày 09/06/2020 âm lịch bà B có làm đầu thảo dây hui 2.000.000 đồng/1 phần, hình thức 01 tháng khai 01 lần, dây hui có 25 phần, dây hui này ông K, bà H tham gia 02 phần. Sau khi hui khai kỳ thứ 02 (khai ngày 09/7/2020) ông K, bà H lĩnh 01 phần số tiền lĩnh được là 33.560.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà B đã giao đủ số tiền này cho ông K, bà H ngày 17/12/2020 âm lịch. Đến ngày 09/12/2020 (hui khai kỳ thứ 7) ông K, bà H tiếp tục lĩnh phần hui còn lại, số tiền hui lĩnh được là 34.200.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà B đã giao đủ số tiền này cho ông K, bà H ngày 17/12/2020 âm lịch. Khi hợp đồng góp hui giữa bà B và ông K, bà H chỉ hợp đồng miệng với nhau, trong danh sách hui bà B chỉ ghi bà H đại diện, nhưng bà B có ghi sổ theo dõi. Sau khi lĩnh 02 phần hui thì ông K, bà H có đóng tiền hui chết hàng tháng cho bà B đến lần thứ 22, nhưng kỳ thứ 22 đóng cho bà B được 2.000.000 đồng còn nợ lại 2.000.000 đồng, kể từ kỳ khai thứ 23 thì ngưng. Bà B góp hui chết thay cho ông K, bà H từ kỳ khai thứ 23 đến khi mãn hui là 03 kỳ với số tiền là: $4.000.000 \text{ đồng} / 1 \text{ lần} / 2 \text{ phần} \times 3 \text{ kỳ} = 12.000.000 \text{ đồng}$ và còn nợ của kỳ thứ 22 là 2.000.000 đồng. Như vậy trong dây hui này ông K và bà H còn nợ bà B số tiền là 14.000.000 đồng.

Như vậy trong 02 dây hui ông K, bà H còn nợ bà B số tiền là 28.500.000 đồng, sau khi mãn hui đến ngày 24/9/2022 ông K, bà H có trả cho bà B được 8.000.000 đồng, còn nợ lại bà B số tiền là 20.500.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H, ông K thống nhất thừa nhận nợ bà B số tiền 19.000.000 đồng nên bà B chấp nhận. Đến ngày 04/12/2023, các bên có trừ cần tiền và bà H, ông K thống nhất còn nợ bà B số tiền 10.000.000 đồng.

Nay bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà B số tiền còn nợ trong hợp đồng góp hui là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bà B yêu cầu ông K, bà H phải có nghĩa vụ trả thêm tiền lãi suất cho bà B đối với số tiền 19.000.000 đồng tính từ ngày 25/9/2022 đến ngày 04/12/2023 và lãi suất số tiền nợ 10.000.000 đồng kể từ ngày 05/12/2023 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, lãi suất theo Nhà nước quy định.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K thống nhất trình bày: Bà H, ông K thống nhất xác định vợ chồng bà H, ông K có tham gia chơi hụi đúng như bà B trình bày, bà H, ông K còn nợ hụi bà B tiền hụi chết sau khi trừ cán xong với số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình bà H, ông K gặp khó khăn bà H, ông K yêu cầu bà B cho bà H, ông K trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, cho đến khi dứt nợ, bà H, ông K không thống nhất trả lãi cho bà B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/9/2023, bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K trả cho bà B số tiền 20.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà H và ông K trả cho bà B số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà B. Bà Trần Thị B và bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K trình bày: Bà B có làm chủ 01 dây hụi, bà H, ông K là thành viên tham gia 01 phần hụi trong dây hụi này, bà H, ông K đã lĩnh tiền hụi, sau đó bà H, ông K không góp hụi chết cho bà B, nên bà B đã góp phần hụi chết thay cho bà H, ông K đến mãn hụi với số tiền là 10.000.000 đồng, nhưng đến nay bà H, ông K chưa hoàn trả cho bà B. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay bà H, ông K còn nợ bà B số tiền hụi của hai dây hụi với số tiền 10.000.000 đồng.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hụi giữa bà B và bà H, ông K không lập thành văn bản, nhưng bà B và bà H, ông K cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà B là chủ hụi, bà H, ông K là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Bà B và bà H, ông K là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ.

[2.3] Xét về lỗi: Bà H, ông K là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả phần tiền hụi chết mà bà B đã góp thay cho bà H, ông K. Do đó, bà B yêu cầu bà H, ông K phải hoàn trả cho bà B số tiền hụi gốc 10.000.000 đồng, tính lãi số tiền 19.000.000 đồng từ ngày 25/9/2022 đến ngày 04/12/2023 và tính lãi số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 05/12/2023 đến xét xử sơ thẩm ngày 28/3/2024 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2006/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, đến khi dứt nợ nhưng bà Trần Thị B không đồng ý, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lãi suất: Khi hợp đồng góp hụi hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, bị đơn không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định các bên có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/01 năm nên lãi suất được tính là 10%/01 năm. Như vậy, tính từ ngày 25/9/2022 đến ngày 04/12/2023 số tiền 19.000.000 số tiền lãi là 01 năm 02 tháng 09 ngày: $19.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 2.264.166 \text{ đồng}$. Tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 28/3/2024 số tiền 10.000.000 đồng số tiền lãi là 03 tháng 23 ngày: $10.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/1 \text{ năm} \times 03 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 313.888 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền lãi là 2.578.054 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351, khoản 2 Điều 357; Điều 385; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Điều 16; Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và tiền lãi là 2.578.054 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng). Tổng cộng là 12.578.054 đồng (mười hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K phải chịu 628.902 đồng (sáu trăm hai mươi tám nghìn chín trăm lẻ hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.000 đồng (năm trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011164 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường